

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị LTKT; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh PAD; nơi cư trú: Số 12B, D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị LTKT có đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2020 yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh PAD được ly hôn và trình bày:

Chị và anh PAD kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng ngày 15 tháng 4 năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một con chung. Sau đó đến năm 2018 anh chị bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống dẫn đến rạn nứt trong quan hệ vợ chồng, mặc dù anh chị đã được họ hàng hai bên động viên, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không

có kết quả. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị LTKT làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh PAD.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là: G, sinh ngày 14/11/2013. Ly hôn chị đề nghị để anh PAD được nuôi con vì thực tế con chung đang do anh PAD chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị LTKT và anh PAD tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh PAD có bản tự khai gửi cho Tòa án thống nhất với chị LTKT về thời gian, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung giữa hai anh chị như chị LTKT trình bày là đúng. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị LTKT. Về con chung: Anh đề nghị được nuôi con G vì thực tế con gái đang ở với anh, do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: anh PAD và chị LTKT tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị LTKT và anh PAD là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị LTKT vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án, chị LTKT vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa anh PAD vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh PAD vẫn giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày tại bản tự khai gửi Tòa án.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị LTKT được ly hôn anh PAD. Về con chung: Giao con chung là G, sinh ngày 14/11/2013 cho anh PAD nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 12B, D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTKT và anh PAD kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình bị đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi chị LTKT, anh PAD cư trú thấy quá trình chung sống giữa chị LTKT và anh PAD có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị LTKT và anh PAD là có thật. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị LTKT và anh PAD đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị LTKT và anh PAD có 01 con chung là: G, sinh ngày 14/11/2013. Xét thấy, từ khi anh chị mâu thuẫn và sống ly thân, anh PAD là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, học hành và chốn ăn ở sinh hoạt ổn định. Nên việc giao con chung cho anh PAD trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con G cho anh PAD trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh PAD và chị LTKT tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị LTKT và anh PAD tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị LTKT phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị LTKT và anh PAD được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là: G, sinh ngày 14/11/2013 cho anh PAD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh PAD và chị LTKT tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị LTKT và anh PAD tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTKT phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010010, ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị LTKT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường E, F;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Phương